

Số: /KH-UBND

Vạn Ninh, ngày tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ
và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa
thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành
Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng
chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng
và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới**

Căn cứ Chương trình hành động số 84-CTr/TU ngày 24/7/2024 của tỉnh ủy Khánh Hòa về thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới;

Thực hiện Kế hoạch số 8839/KH-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Kế hoạch số 230-KH/HU ngày 26/8/2024 của Ban thường vụ Huyện ủy Vạn Ninh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới;

UBND huyện xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn huyện Vạn Ninh với các nội dung cụ thể như sau:

I. Mục đích và yêu cầu

1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân đối với việc triển khai thực hiện chính sách xã hội. Đồng thời, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc triển khai thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn huyện.

- Xác định rõ nội dung, nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị xã hội và địa phương để tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Chương trình số 84 - CTr/TU ngày 24/7/2024 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 230-KH/HU ngày 26/8/2024 của Huyện ủy.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện phải bám sát các quan điểm, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 42-NQ/TW; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII; các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, Huyện ủy.

- Chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về chính sách an sinh xã hội trong tình hình mới; phát huy vai trò chủ động, tích cực của cơ quan quản lý nhà nước ở huyện và xã, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tiễn của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Đảm bảo sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội và địa phương trong việc triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết số 42-NQ/TW, Chương trình số 84 - CTr/TU ngày 24/7/2024 của tỉnh ủy Khánh Hòa và Kế hoạch số 230-KH/HU ngày 26/8/2024 của huyện ủy Vạn Ninh.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

- Tập trung triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội trên địa bàn huyện theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, tiếp cận thông tin; các đối tượng yếu thế trong xã hội được quan tâm chăm sóc, giúp đỡ hỗ trợ và vươn lên trong cuộc sống. Hạn chế những tiêu cực trong quá trình thực hiện chính sách xã hội, bảo đảm các chính sách xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

- Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng trên địa bàn huyện được chăm lo toàn diện cả về vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 3%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 3,5%; Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trên 40%; lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội trên 60% và lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp trên 45%; số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội trên 60%;

100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi cô đơn thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định; bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ giúp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo.

- Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi; tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%; cấp trung cơ sở đạt 97,5%; cấp Trung học phổ thông và tương đương tối thiểu đạt 90%; 100% xã, thị trấn đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2.

- Bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế, tuổi thọ trung bình của người dân trên địa bàn huyện khoảng 75 tuổi; số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm; chỉ số phát triển con người HDI thuộc nhóm có chỉ số HDI cao (nhóm 2) theo phân loại của UNDP; phân đầu có 35 giường bệnh viện, 19 bác sĩ, 04 dược sĩ, 33 điều dưỡng viên trên 10.000 dân; trên 98% dân số tham gia bảo hiểm y tế; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 7,5%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

- Phân đầu đến năm 2030 xoá bỏ hoàn toàn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn huyện đạt khoảng 30m²/sản/người; trên 100% hộ gia đình ở thành thị và 100% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; 100% hộ gia đình, trường học, trạm Y tế có công trình hợp vệ sinh, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt; 15% nước thải sinh hoạt được xử lý;

- Có ít nhất 90% người dân ở các xã được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hoá; 100% người dân ở các xã được nghe, xem các kênh phát thanh, truyền hình của quốc gia và địa phương.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Những năm tiếp theo sẽ tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội để xã hội phát triển toàn diện, bền vững, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng và phát triển con người Vạn Ninh đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao, các phòng ban chuyên môn và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn bám sát định hướng, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Kế hoạch số 8839/KH-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Kế hoạch số 230-KH/HU ngày 26/8/2024 của Ban thường vụ Huyện ủy Vạn Ninh và Kế hoạch này tổ

chức triển khai đầy đủ, toàn diện, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội trên địa bàn huyện

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới. Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo chuyển biến sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân về chính sách an sinh xã hội, khơi dậy tinh thần tự vươn lên của người dân và huy động nguồn lực thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

- Xây dựng, nhân bản, phát hành tài liệu truyền thông với nội dung và hình thức phù hợp với mọi đối tượng, chú trọng người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế; hướng dẫn truyền thông về chính sách xã hội. Thường xuyên giới thiệu, tuyên truyền, biểu dương để nhân rộng những tấm gương tiêu biểu, những mô hình tốt, cách làm hay và tấm gương tiêu biểu đóng góp vào thực hiện chính sách xã hội.

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

- Thực hiện chính sách xã hội với khả năng, điều kiện phát triển kinh tế, bảo đảm dịch vụ xã hội cơ bản tối thiểu cho người dân; đẩy mạnh xã hội hóa huy động nguồn lực để thực hiện chính sách xã hội ngày càng tốt hơn. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nhằm nâng cao ý thức, nhận thức cho công chức, viên chức, người lao động và nhân dân đối với các Nghị quyết về thực hiện chính sách xã hội. Lòng ghép các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đảm bảo ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh nguồn nước; phòng, chống dịch bệnh; bảo vệ môi trường.

- Tham mưu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, đề án chủ yếu theo Kế hoạch của UBND huyện triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Kế hoạch số 230-KH/HU ngày 26/8/2024 của Ban thường vụ Huyện ủy Vạn Ninh thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận chính sách xã hội. Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về chính sách xã hội từ tỉnh đến xã; tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện

Nghị quyết; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực. Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện chính sách xã hội. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến thực hiện chính sách xã hội.

- Hiện đại hoá công tác quản lý nhà nước; đẩy mạnh chuyển đổi số, số hoá quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách. Từng bước áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành liên quan đến chính sách xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số.

- Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội; tăng cường xã hội hoá, hợp tác công - tư trong thực hiện chính sách xã hội.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

- Tổ chức thực hiện tốt các chính sách, chế độ ưu đãi người có công theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, chăm sóc đời sống thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng. Thực hiện tốt Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng.

- Tiếp tục khuyến khích tổ chức, cá nhân và toàn xã hội thực hiện các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, phát huy truyền thống đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", tích cực xây dựng, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ cải thiện nhà ở đối với người có công, rà soát năm bắt kịp thời về thực trạng nhà ở của người có công để có kế hoạch huy động các nguồn lực cùng nguồn ngân sách Nhà nước để thực hiện hỗ trợ nhà ở cho người có công trong giai đoạn tiếp theo.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp tục số hóa hồ sơ người có công, đảm bảo nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính dịch vụ công toàn trình, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực người có công trên địa bàn toàn huyện. Đồng thời lan tỏa những thông điệp nhân

văn, những chính sách ưu việt của Đảng, Nhà nước đối với người có công với cách mạng qua các chương trình phát thanh, các kênh tương tác trên môi trường số.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật đối với người có công, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội và Nhân dân trong công tác chăm sóc người có công, kiến nghị giải quyết những vấn đề vướng mắc còn tồn đọng trong việc thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

a) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách dân số và phát triển theo hướng có quy mô, cơ cấu, phân bố hợp lý, cân bằng tỷ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên và duy trì mức sinh thay thế.

- Tạo bước đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là hiện đại hoá, đa dạng hoá phương thức giáo dục, đào tạo. Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục đào tạo.

- Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho học sinh, thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp.

- Đẩy nhanh xã hội hoá giáo dục đào tạo; đa dạng hoá chủ thể tham gia đào tạo.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động và tạo cơ hội học tập suốt đời.

- Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

- Tiếp tục đẩy nhanh xã hội hoá giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hoá chủ thể tham gia đào tạo, quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động.

- Thực hiện đào tạo nghề gắn với nhu cầu sử dụng; tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo cho phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân.

b) Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiện đại, hiệu quả và bền vững

- Triển khai các giải pháp phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiệu quả, đồng bộ với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Vận hành sàn giao dịch việc làm công khai, minh bạch, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng chống các hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động như tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động....

- Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật.

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm đe dọa đến sức khỏe, tính mạng của người lao động.

- Hiện đại hóa, chuyển đổi số trong kết nối cung cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm.

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, từng bước thu hẹp số lao động trong khu vực phi chính thức, tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hóa dân số.

- Mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn.

- Nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thất nghiệp.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội; Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, phù hợp, đa dạng, hướng tới bảo hiểm xã hội toàn dân, nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với khu vực nông nghiệp nông thôn, lao động phi chính thức, làm thay đổi nhận thức và thói quen của người dân tham gia bảo hiểm xã hội.

5. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

a) Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế bao phủ được toàn bộ lực lượng lao động.

- Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, bao phủ được toàn bộ lực lượng lao động; tổ chức thực hiện hiệu quả công tác phát triển

người tham gia bảo hiểm xã hội, tạo cơ hội tham gia và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động. Thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật. Tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân nhằm góp phần chăm sóc sức khoẻ Nhân dân, giảm chi phí người dân chi trả trực tiếp cho dịch vụ y tế.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chính sách bảo hiểm thất nghiệp phải hỗ trợ cho doanh nghiệp trong việc nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động để duy trì việc làm bền vững; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thất nghiệp; nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thất nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2022-2025.

b) Triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách trợ giúp xã hội theo quy định chung của Chính phủ và chính sách riêng của tỉnh bảo đảm đúng đối tượng thụ hưởng, đúng chế độ quy định.

- Hỗ trợ kịp thời những người có hoàn cảnh khó khăn, người có thu nhập thấp, người cao tuổi, người khuyết tật và gia đình có trẻ em; hỗ trợ hộ gia đình chăm sóc trẻ em; kịp thời cứu trợ cho Nhân dân khi có rủi ro, đột xuất về thiên tai, dịch bệnh góp phần ổn định cuộc sống của người dân.

- Phát triển và đa dạng hoá các dịch vụ trợ giúp xã hội, dịch vụ công tác xã hội chuyên nghiệp. Tạo cơ hội tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản đối với tất cả người dân.

- Phát triển đội ngũ cộng tác viên công tác xã hội hiểu biết về pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp.

- Đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

c) Tiếp tục triển khai đồng bộ các chính sách giảm nghèo, chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân.

- Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách giảm nghèo; tạo điều kiện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi ở mức vay tối đa để mở rộng sản xuất, nhân rộng mô hình làm ăn hiệu quả.

- Thường xuyên rà soát nhu cầu thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin) của hộ nghèo, hộ cận nghèo để có giải pháp hỗ trợ kịp thời, phù hợp; huy động nguồn lực đóng góp từ các doanh nghiệp, cộng đồng để hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo về nhà ở, học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, hỗ trợ phương tiện tiếp cận thông tin, nước sạch và vệ sinh, y tế,...

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế; nâng cao chất lượng cuộc sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở vùng bãi lầy ven biển và hải đảo.

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

a) Về giáo dục

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hoá mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học và tạo cơ hội học tập suốt đời.

- Làm tốt công tác tuyên truyền để tạo sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân đối với các chủ trương đổi mới giáo dục đào tạo. Thực hiện tốt các chính sách phát triển giáo dục và đào tạo. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, không để xảy ra các hiện tượng bạo lực học đường, tai nạn thương tích; thực hiện tốt nề nếp, kỷ cương, dân chủ và quy tắc ứng xử trong trường học; tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

- Củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ, từng bước phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. Tăng cường giáo dục hòa nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên.

b) Về y tế

- Tiếp tục phát triển mạng lưới y tế cơ sở; triển khai có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe và dân số trong tình hình mới và Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện nâng cao chất lượng hoạt động y tế cơ sở trong tình hình mới.

- Tăng cường công tác y tế dự phòng, vệ sinh, an toàn thực phẩm, ngăn chặn kịp thời dịch bệnh, đặc biệt là các bệnh nguy hiểm.

- Sắp xếp nhân lực trên cơ sở phân nhóm chức năng, nhiệm vụ của trạm y tế xã phù hợp với điều kiện thực tế, nâng cao chất lượng hoạt động phòng bệnh của y tế cơ sở; nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe toàn diện, đáp ứng sự thay đổi của mô hình bệnh tật, già hóa dân số và nhu cầu của người dân.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực cho y tế cơ sở, y tế dự phòng; phát triển mạng lưới, nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động của y tế dự phòng đảm bảo năng lực phản ứng nhanh trước các rủi ro dịch bệnh. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, ngăn ngừa có hiệu quả và khống chế dịch bệnh, đảm bảo an ninh y tế.

- Phát triển mô hình bác sĩ gia đình; quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử và khám sức khỏe định kỳ cho Nhân dân.

- Thực hiện chính sách về dinh dưỡng, nâng cao tầm vóc, thể lực, đặc biệt là trẻ em ở vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; đảm bảo vệ sinh và an toàn thực phẩm cho mọi người dân. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; tiếp tục phổ biến chế độ dinh dưỡng, khẩu phần ăn phù hợp cho từng nhóm đối tượng; triển khai các chương trình bổ sung vi chất cần thiết cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi.

- Đa dạng các gói dịch vụ bảo hiểm y tế nhằm góp phần chăm sóc sức khỏe Nhân dân, giảm chi phí người dân chi trả trực tiếp cho dịch vụ y tế.

c) Về phát triển văn hóa

- Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, di sản văn hoá dân tộc, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, các đối tượng chính sách và yếu thế; bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với phát triển văn hoá, xây dựng nếp sống văn minh, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của Nhân dân.

- Triển khai các Đề án, chương trình về văn hóa, thể thao nhằm xây dựng và phát triển văn hóa, thể thao trong tình hình mới; chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao cấp cơ sở để phục vụ Nhân dân. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2035, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với phát triển văn hoá.

d) Về thông tin

Phổ biến chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin cho vùng ven biển, bãi ngang và hải đảo; triển khai Chương trình cung cấp thông công ích. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị để hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số và bảo vệ người dân, các nhóm yếu thế, nhất là trẻ em an toàn trên môi trường mạng. Bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời, công khai, minh bạch; theo dõi, xử lý thông tin sai sự thật, thông tin xấu, độc hại trên không gian mạng.

đ) Về nhà ở

- Triển khai các chính sách hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công; hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo khu vực miền núi.

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó, chú trọng xây dựng chính sách phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn huyện.

- Triển khai có hiệu quả chính sách về đất đai, vốn, tín dụng hỗ trợ cho hộ nghèo khu vực nông thôn cải thiện nhà ở và nâng cao điều kiện an toàn về chỗ ở cho người dân sinh sống tại khu vực thường xuyên bị thiên tai, ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. Huy động xã hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội.

e) Về nước sạch, vệ sinh môi trường

- Tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án về bảo đảm nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn cho người dân, nhất là người dân ở khu vực nông thôn, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Tiếp tục xây mới, cải tạo, sửa chữa các công trình cấp nước tập trung tại các xã trên địa bàn được giao quản lý. Tăng cường công tác quản lý công trình sau đầu tư; tăng cường kiểm soát chất lượng nước; thực hiện lắp đồng hồ để tăng tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch góp phần thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên dự báo, phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường, quản lý rủi ro về môi trường, giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải; triển khai thực hiện Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện; Quy định phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện theo hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

- Xây dựng hệ thống dịch vụ xã hội có tính liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, phù hợp nhu cầu đa dạng của các nhóm xã hội; chú trọng nâng cao chất lượng các dịch vụ về việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội; phát triển toàn diện dịch vụ công tác xã hội và đội ngũ công tác viên công tác xã hội chuyên nghiệp; phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng.

- Quản lý và cung cấp dịch vụ xã hội trên nền tảng số phục vụ người dân và doanh nghiệp; tiếp tục đẩy mạnh chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng thụ hưởng chính sách xã hội. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, hiện đại hoá và cung ứng dịch vụ xã hội.

- Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ công tác viên công tác xã hội để đáp ứng nhu cầu trợ giúp xã hội của người dân, đạt yêu cầu theo chuẩn đào tạo của Trung ương nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về công tác xã hội từ đó phát triển được đội ngũ cán bộ trợ giúp xã hội bảo đảm đủ về số lượng và trình độ chuyên môn đạt tiêu chuẩn phù hợp theo quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội và cai nghiện ma túy để thực hiện các nhiệm vụ của cơ sở. Đẩy mạnh việc trao đổi, học tập các mô hình cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện ở địa phương khác để áp dụng tại địa phương.

- Tham mưu, góp ý, đề xuất xây dựng cơ chế chính sách của tỉnh để phát triển mạng lưới nhân viên, công tác viên công tác xã hội; trong đó tập trung phát triển các dịch vụ công tác xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, giải quyết vấn đề nghèo và những vấn đề xã hội khác. Xây dựng các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội lồng ghép các chương trình đề án của Chính phủ, của Bộ ngành Trung ương, về người cao tuổi, trợ giúp người khuyết tật, trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bình đẳng giới và phát triển nghề công tác xã hội.

- Nghiên cứu tham mưu Phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập phù hợp với quy hoạch chung của huyện, trong đó tập trung phát triển các mô hình mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội trong lĩnh vực y tế, giáo dục, tư pháp và các tổ chức chính trị - xã hội.

8. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

- Tiếp tục huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế hỗ trợ cho chính sách xã hội. Đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ hướng tới việc làm bền vững, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội, trợ giúp xã hội. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có sức cạnh tranh trong khu vực và cả nước, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Triển khai thực hiện nghiêm các quy định về tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động, tiêu chuẩn nghề nghiệp tương thích và cạnh tranh quốc tế. Khuyến khích nguồn lực quốc tế hỗ trợ, đầu tư phát triển các dịch vụ xã hội, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các cơ quan ban ngành, đoàn thể, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong thực hiện chính sách xã hội

- Tăng cường nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của

Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện chính sách xã hội.

- Hội đồng nhân dân tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về chính sách xã hội, trên cơ sở đó đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các ban ngành, đoàn thể thường xuyên, lắng nghe, phản ánh, phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và người dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn huyện.

- Giải quyết kịp thời các chính sách an sinh xã hội cho người có công và gia đình người có công với cách mạng, đối tượng yếu thế (người già neo đơn, trẻ em, người khuyết tật...; xóa bỏ nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo,... huy động và bố trí nguồn lực để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về chính sách xã hội của huyện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Kịp thời tổng hợp, tham mưu UBND huyện xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết và đột xuất theo đúng quy định.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Kịp thời thẩm định và tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí ngân sách để thực hiện kế hoạch; giám sát việc sử dụng kinh phí đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Phòng Tư pháp

Phối hợp với Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về chính sách an sinh xã hội trên địa bàn huyện.

4. Trung tâm Văn hoá – Thông tin và Thể thao

- Triển khai công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kế hoạch của huyện về các hoạt động triển khai thực hiện chính sách an sinh xã hội trên Đài truyền thanh huyện kịp thời và hiệu quả.

- Phối hợp với Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện và các đơn vị có liên quan xây dựng các chuyên đề cụ thể để đăng tin về công tác thực hiện chính sách an sinh xã hội.

5. Các Phòng: Văn hoá – Thông tin, Kinh tế, Giáo dục và Đào tạo, Y tế và Bảo hiểm xã hội huyện Vạn Ninh theo chứng năng nhiệm vụ của ngành triển khai thực hiện đảm bảo các mục tiêu tại Kế hoạch này; triển khai đến cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị về thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Chương trình số 84-CTr/TU ngày 24/7/2024 của tỉnh ủy Khánh Hòa và Kế hoạch số 230-KH/HU ngày 26/8/2024 của Ban thường vụ Huyện ủy Vạn Ninh.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện: Thường xuyên lắng nghe, phản ánh, phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và Nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

7. UBND các xã, thị trấn

- Trên cơ sở Kế hoạch này, theo tình hình thực tế của địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Chương trình số 84-CTr/TU ngày 24/7/2024 của tỉnh ủy Khánh Hòa và Kế hoạch số 230-KH/HU ngày 26/8/2024 của ban thường vụ Huyện ủy Vạn Ninh đảm bảo theo quy định.

- Thường xuyên thông tin tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về chính sách an sinh xã hội trong tình hình mới; phát huy vai trò chủ động, tích cực của cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tiễn của từng địa phương.

V. Chế độ thông tin, báo cáo

Căn cứ Kế hoạch này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn xây dựng chương trình, kế hoạch của đơn vị mình triển khai thực hiện đảm bảo về thời gian, chất lượng và hiệu quả. Định kỳ hàng năm **trước ngày 25/11**, báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về UBND huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, báo cáo Huyện ủy và UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Trong quá trình thực hiện nêu có khó khăn, vướng mắc hoặc những vấn đề mới phát sinh, kịp thời báo cáo UBND huyện để xem xét chỉ đạo, triển khai thực hiện được kịp thời, hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TB&XH tỉnh (b/c);
- Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện (b/c)
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT – XH huyện;
- Các cơ quan, ban ngành huyện;
- BHXH huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Khiêm